

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/DS-PT

Ngày: 29-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tốn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2019/DS-ST ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số B, đường P, Khóm M, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Số A, đường L, Khóm M, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Hồ Mỹ S, sinh năm 1985; địa chỉ: Số M, khóm T, phường Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Số N, đường T, Khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đặng Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số M, đường 8, Tổ N, khu phố 4, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Thúy K, sinh năm 1991; địa chỉ: Số B, đường M, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh Văn P, sinh năm 1981; địa chỉ: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Trương Thị L - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Hồ Mỹ S (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H) trình bày:* Ngày 29/8/2019 bà Nguyễn Thị Bích H cho bà Trương Thị L vay số tiền 770.000.000đ (vay một lần), hai bên thỏa thuận tiền lãi tính chung 30.000.000đ, tổng cộng 800.000.000đ, hình thức vay trả góp, bà L góp vốn và lãi mỗi ngày 2.000.000đ cho đến khi hết 800.000.000đ, thời gian bắt đầu góp từ ngày 30/8/2019 (01/8/2019 âm lịch), bà L có viết biên nhận ngày 29/8/2019. Tuy nhiên, sau khi vay bà L không thực hiện nghĩa vụ góp trừ nợ cho bà H ngày nào. Do đó, bà H khởi kiện bà L và tại Tòa án ngày 27/9/2019 bà L có làm tờ thỏa thuận thừa nhận nợ bà H số tiền 770.000.000đ và đồng ý trả. Nhưng sau đó bà L thay đổi ý kiến không đồng ý, vì cho rằng số tiền vay xuất phát từ các lần vay trước đó cộng gộp lại là không đúng.

Đối với việc bà L cho rằng, số tiền vay 800.000.000đ theo biên nhận ngày 29/8/2019 và sau đó là tờ thỏa thuận bà L còn nợ bà H 770.000.000đ xuất phát từ nhiều khoản vay trước gộp lại và bà L có chuyển khoản và trả tiền mặt cho bà H tổng cộng số tiền 431.575.000đ, nên chỉ còn nợ bà H số tiền 338.425.000đ là không đúng và bà H không đồng ý.

Đối với số tiền chuyển khoản trả cho bà H theo các chứng từ bà L cung cấp tổng cộng là 391.575.000đ là để thanh toán các đợt vay trước ngày 29/8/2019 và bà L đã thanh toán dứt điểm hiện bà H không còn nhớ cụ thể số

tiền bao nhiêu, vì không còn lưu giữ chứng từ, biên nhận. Còn khoản bà L trả tiền mặt 40.000.000đ là không có.

Đối với các khoản vay theo các biên nhận vay như bà L trình bày đã thanh toán xong nên bà H không còn lưu giữ chứng từ.

Bà H xác định khoản vay theo biên nhận ngày 29/8/2019 số tiền 800.000.000đ là biên nhận vay riêng, không có liên quan gì các biên nhận vay trước đó như bà L trình bày. Ngày 27/9/2019, bà L có làm tờ thỏa thuận đồng ý trả bà H số tiền 770.000.000đ là do bà H giảm tiền lãi cho bà L 30.000.000đ chứ không phải cộng gộp lại hay có sự nhầm lẫn gì như bà L trình bày.

Do bà L làm ăn thua lỗ nên tại biên bản hòa giải thành ngày 16/11/2019 bà H đồng ý bớt cho bà L số tiền 100.000.000đ, bà H chỉ yêu cầu bà L trả số tiền nợ vay 670.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên, do bà L thay đổi ý kiến tại buổi hòa giải thành ngày 16/11/2019, bà L không đồng ý theo yêu cầu của bà H, nên bà H yêu cầu bà L trả số tiền nợ vay vốn là 770.000.000đ và lãi suất 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 30/8/2019 đến ngày 20/12/2019 là 110 ngày như sau: $770.000.000đ \times 0,83\% \times 110 \text{ ngày} = 23.430.000 \text{ đồng}$ (lấy số tròn). Tổng cộng vốn, lãi là 793.430.000 đồng.

- Anh Đặng Minh T (đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị L) trình bày: Bà L thừa nhận ngày 29/8/2019, bà L có viết biên nhận nợ bà H số tiền 800.000.000đ. Từ lúc viết biên nhận nợ đến nay bà L chưa trả cho bà H bất cứ khoản tiền nào, nên bà H khởi kiện bà L yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 27/9/2019, tại Tòa án bà L và bà H thỏa thuận bà L chỉ còn nợ bà H số tiền 770.000.000đ, nên bà L thừa nhận có viết giấy thỏa thuận đồng ý trả cho bà H số tiền 770.000.000đ, nhưng sau đó bà L thay đổi ý kiến không đồng ý trả cho bà H số tiền 770.000.000đ, vì sau khi thỏa thuận bà L kiểm tra lại chứng từ thanh toán là đã trả cho bà H được nhiều lần tiền, vì số tiền 770.000.000đ xuất phát của nhiều đợt vay trước cộng gộp lại thành nợ chung là 770.000.000đ, cụ thể:

- Thời gian không nhớ, trong giai đoạn khoảng tháng 05/2018 đến tháng 10/2018, bà H cho bà L vay nhiều lần tiền tổng cộng 550 triệu, cộng tiền lãi 250.000.000đ (là tiền lãi tính trước của 400 ngày), thành tiền là nợ 800.000.000đ, nên bà L có viết cho bà H biên nhận nợ 800.000.000đ vào ngày

29/8/2019 là biên nhận hiện nay bà H khởi kiện. Hình thức vay trả góp, mỗi ngày góp 2.000.000đ, góp trong 400 ngày dứt điểm. Từ ngày viết biên nhận bà L chưa góp trả cho bà H ngày nào.

- Ngày 16/7/2019 vay của bà H 50.000.000đ, bà L còn giữ biên nhận.

- Ngày 29/8/2019 vay của bà H 150.000.000đ, bà L còn giữ biên nhận.

Tổng cộng 03 khoản vay bà L nợ bà H 750.000.000đ (550 triệu + 50 triệu + 150 triệu = 750 triệu).

Trong quá trình vay bà L có trả cho bà H nhiều lần tiền gồm:

- + Chuyển khoản 61 lần số tiền tổng cộng: 391.575.000đ theo 61 chứng từ chuyển khoản đã nộp cho Tòa án.

- + Trả tiền mặt 40.000.000đ không có làm giấy tờ, không nhớ ngày cụ thể.

Tổng cộng trả được là 431.575.000đ (vốn 364.926.000đ và lãi 66.649.000đ).

Do bà L trả cho bà H không đầy đủ, nên bà H khởi kiện bà L yêu cầu Tòa án thành phố Sa Đéc giải quyết.

Ngày 27/09/2019, bà L và bà H có văn bản thỏa thuận tổng kết nợ, bà L đồng ý trả cho bà H số tiền 770.000.000đ. Sở dĩ bà L đồng ý trả cho bà H số tiền 770.000.000đ, khi cộng 03 khoản vốn vay 550.000.000đ + 50.000.000đ + 150.000.000đ = 750.000.000đ, chênh lệch 20.000.000đ là do các bên tính nhầm, nhưng bà L cũng đồng ý, không thắc mắc gì. Sau khi ký văn bản thỏa thuận bà H trả biên nhận vay bản chính ngày 16/7/2019 và biên nhận ngày 29/8/2019 cho bà L xé bỏ, sau khi xé bỏ thì bà L có lượm lại các mảnh giấy này và dán lại nên hiện 02 biên nhận này bà L vẫn còn giữ.

Đối với các khoản tiền lãi mà bà L cho rằng đã trả cho bà H trước đây thì bà L không tranh chấp và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải thành ngày 16/11/2019, bà L đồng ý trả cho bà H số tiền nợ vay tổng cộng là 670.000.000đ. Tuy nhiên, ngày 28/11/2019 bà L thay đổi ý kiến không đồng ý trả cho bà H số tiền 670.000.000đ cũng như tại phiên tòa, bà L không đồng ý trả vốn, lãi theo yêu cầu của bà H, vì ngày 29/8/2019, bà L không nhận bất cứ khoản tiền nào của bà H.

Đối với số tiền đã chuyển khoản cho chị Trần Thị Thúy Kiều, bà L xác định không tranh chấp yêu cầu giải quyết trong vụ án này, bà L sẽ khởi kiện chị K bằng một vụ kiện khác.

- Ông Nguyễn Xuân K (đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Thúy K) trình bày: Việc giao dịch làm ăn giữa bà H và bà L, chị K không biết, không liên quan, đối với biên nhận ngày 29/8/2019 và số tiền 770.000.000đ cũng không liên quan đến chị K. Chị K xác định không có yêu cầu, tranh chấp với bà H và bà L trong vụ án này, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Ngoài ra, chị K không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H.

Buộc bà Trương Thị L trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền vốn 770.000.000đ và lãi 23.430.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 793.430.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Trương Thị L nộp 35.737.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bích H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004019 ngày 27/9/2019 số tiền 17.400.000 đồng và biên lai số 0004323 ngày 28/11/2019 số tiền 390.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2019 bà L kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm, vì nội dung bản án không đúng sự thật khách quan ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Chị S đại diện cho bà H trình bày, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với bị đơn về việc giải quyết toàn bộ vụ án, yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Anh P đại diện cho chị K trình bày, do chị K không có kháng cáo nên không có cung cấp chứng cứ bổ sung và không có yêu cầu gì ở giai đoạn xét xử phúc thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật

+ Về nội dung:

Xét thấy trong năm 2018, bà L chuyển vào tài khoản của bà H tại Ngân hàng V – Chi nhánh Đồng Tháp 61 lần với số tiền 391.575.000đ, việc này cũng được bà H thừa nhận, nhưng trong phiếu chuyển tiền thì không ghi rõ nội dung chuyển tiền gì, về mặt thời gian thì số tiền chuyển khoản là trong năm 2018, còn biên nhận nợ là ghi ngày 29/8/2019, như vậy thời gian chuyển tiền và biên nhận nợ không liên quan gì nhau nên các chứng cứ bà L cung cấp là chưa đủ cơ sở xem xét. Riêng số tiền mặt bà L trình bày đã trả cho bà H 40.000.000đ, số tiền này bà L trả cho bà H thời gian nào thì không rõ, bà H cũng không thừa nhận việc này, còn bà L cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả tiền 40.000.000đ, vì vậy không đủ cơ sở xem xét lời trình bày của bà L.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên nhận nợ ngày 27/9/2019 bà L viết giấy thỏa thuận còn nợ bà H 770.000.000đ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Bà L có cung cấp những chứng cứ nộp tiền chuyển khoản cho chị K thì bà H không thừa nhận nên bà L có quyền khởi kiện thành vụ án khác nếu cho rằng quyền lợi bị xâm phạm.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bà L cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Bà L làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, thủ tục đúng quy định nên chấp nhận đơn kháng hợp lệ. Bà H uỷ quyền cho chị Hồ Thị Sơn, bà L uỷ quyền cho anh Đặng Minh T, chị K uỷ quyền cho anh Đinh Văn P, thủ tục uỷ quyền tham gia tố tụng phù hợp quy định nên chấp nhận. Ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Theo nội dung đơn kháng cáo của bà L cho rằng, bà không có nhận số tiền 770.000.000đ vào ngày 29/8/2019 (biên nhận ghi 800.000.000đ là bao gồm vốn lãi) và yêu cầu xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm. Tuy nhiên, bà L thừa nhận có viết biên nhận nợ ngày 29/8/2019, thể hiện nội dung vay của bà H số tiền 800.000.000đ, việc bà H cho bà L vay tiền là do 02 bên hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận. Ông T cho rằng, bà L viết biên nhận vay số tiền 800.000.000đ vào ngày 29/8/2019 và có thỏa thuận tại Tòa án thành phố Sa Đéc vào ngày 27/9/2019 thống nhất lại số tiền bà L vay của bà H 770.000.000đ. Sau đó, bà L kiểm tra lại vốn, lãi như sau: Tiền vốn 550.000.000đ, tiền lãi tính trước trong thời hạn 400 ngày thành tiền là 250.000.000đ, nên mới lập biên nhận vay 800.000.000đ, đồng thời đã có trả tiền cho bà H nhiều lần, nên nay không đồng ý trả nợ cho bà H.

Xét thấy, ông T xác định từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 10 năm 2018 vay nhiều lần 550.000.000đ, cộng với tiền lãi 250.000.000đ thành số nợ 800.000.000đ, sau đó lại khai là tổng cộng 03 khoản vay gồm: 550.000.000đ + 50.000.000đ + 150.000.000đ = 770.000.000đ là mâu thuẫn nhau. Mặt khác, việc bà L xuất trình biên nhận ngày 16/7/2019 vay 50.000.000đ, biên nhận ngày 29/8/2019 vay 150.000.000đ, các biên nhận này bị xé dán lại để chứng minh việc xé biên nhận cũ lập lại biên nhận mới ngày 29/8/2019 nhưng cũng không khớp về thời gian vay như trình bày của anh T nói trên và biên nhận do bà L viết, ký tên. Nay anh T cũng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh biên nhận vay tiền ngày 29/8/2019 là tổng hợp các khoản vốn vay hoặc vốn lãi trước ngày này.

[3] Đối với việc anh T trình bày, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền thì bà L có trả tiền cho bà H bằng hình thức chuyển khoản 61 lần số tiền 391.575.000đ, nhưng chị S xác định việc chuyển khoản trả nợ này là thanh toán cho các khoản vay khác không liên quan đến tiền vay ngày 29/8/2019 và

thực tế phiếu chuyển tiền không ghi rõ nội dung chuyển tiền gì, thời gian chuyển khoản là năm 2018, nên cũng không phù hợp với thời gian vay ngày 29/8/2019. Ngoài ra, anh T còn trình bày bà L trực tiếp trả tiền mặt 40.000.000đ, nhưng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh và cho rằng cũng không nhớ ngày tháng năm trả tiền, trong khi đó thì chị S hoàn toàn không thừa nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi vay: Trên thực tế, 02 bên thỏa thuận hình thức vay trả góp có lãi, nay bà L thừa nhận không có trả lãi cho bà H kể từ ngày lập biên nhận ngày 29/8/2019. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H tính lãi kể từ ngày lập biên nhận đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 0,83% là phù hợp nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Án sơ thẩm xử đã có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án phí: Bà L kháng cáo và yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích H.

Buộc bà Trương Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 793.430.000đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 35.737.500đ và tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo biên lai số 0004410 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Bà L còn phải nộp tiếp số tiền là 35.737.500đ.

Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí là 17.400.000đ theo biên lai thu tạm ứng số 0004019 ngày 27/9/2019 và 390.000đ theo biên lai thu số 0004323 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND Tp S;
- Chi cục THADS Tp S;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng